

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2026/HNGĐ-ST

Ngày 25/6/2026.

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thanh Mai.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đàm Thanh Vũ.

Ông Bùi Chí Tâm.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Tô Đức Bình, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa:***  
Ông Giang Tấn Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 165/2026/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2026, về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 306/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị Dương M, sinh ngày 10/11/1986.

Số căn cước công dân: \*\*\*\*\* ngày 21/9/2022.

Địa chỉ: Khu V, phường M, thành phố Cần Thơ.

***- Bị đơn:*** Ông Nguyễn Văn T, sinh ngày 24/9/1987.

Số căn cước công dân: \*\*\*\*\* ngày 12/4/2022.

Địa chỉ: Khu V, phường M, thành phố Cần Thơ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện ngày 25/02/2026, các tài liệu và chứng cứ trong hồ sơ vụ án, quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Dương M trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 26/11/2007 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang. Thời gian đầu khi về sống chung rất hạnh phúc, tuy nhiên đến nay bà không tìm được tiếng nói chung với

ông T, đồng thời vợ chồng không còn sống chung với nhau và bà cũng không còn tình cảm với ông T nên bà mong muốn được ly hôn.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giữa bà với ông Nguyễn Văn T có ba người con chung tên Nguyễn Lam T1, sinh ngày 17/4/2007 (nam) đã trưởng thành có gia đình riêng; Nguyễn Thoại D, sinh ngày 15/6/2015 (nam) đang sống với ông T và Nguyễn Thoại Gia H, sinh ngày 17/10/2025 (nam) hiện đang sống với bà. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Thoại D và G, không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

- Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông thống nhất lời trình bày của bà M là vợ chồng ông kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và sống với nhau có ba người con chung tên Nguyễn Lam T1, sinh ngày 17/4/2007 đã trưởng thành có gia đình riêng; Nguyễn Thoại D, sinh ngày 15/6/2015 (nam) đang sống với ông và Nguyễn Thoại Gia H, sinh ngày 17/10/2025 (nam) hiện đang sống với bà M. Theo yêu cầu khởi kiện của bà M về ly hôn, ông không đồng ý, do còn thương vợ. Trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì ông yêu cầu được nuôi con chung là Nguyễn Thoại D và đồng ý thời gian nghỉ cho bà M đón con đi chơi. Đối với con chung Nguyễn Thoại Gia H thì giao cho bà M nuôi dưỡng, đồng thời không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi Thoại D nhưng trong trường hợp có khả năng ông sẽ gửi cho bà M chi phí hỗ trợ nuôi Gia H. Nếu bà M không nuôi Gia H và đồng ý giao con, ông cũng có thể nuôi cả hai người con. Về tài sản chung và nợ chung, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đúng quy định. Đồng thời, phát biểu quan điểm về tính có căn cứ và hợp pháp của yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà M được ly hôn với ông T, giao 02 người con chung cho bà M nuôi dưỡng do con chung Thoại D có nguyện vọng sống với mẹ và con chung Gia H dưới 36 tháng tuổi. Các vấn đề về tài sản chung, nợ chung, cấp dưỡng cho con và cấp dưỡng giữa vợ, chồng không có yêu cầu nên đề nghị không xem xét. Về án phí buộc bà M phải chịu án theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 1 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Bà M khởi kiện yêu cầu giải quyết về hôn nhân với bị đơn có nơi cư trú tại phường M, thành phố Cần Thơ nên Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã được tổng đạt hợp lệ và có mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Bà M và ông T tự nguyện kết hôn, làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang (nay là UBND phường L, thành phố Cần Thơ) cấp giấy chứng nhận kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình, bà M có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét thấy, giữa vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và sống chung với nhau. Trong thực tế giữa bà M và ông T không còn sống chung với nhau, quá trình hòa giải các bên không tìm được tiếng nói chung và bà M thì kiên quyết ly hôn đã cho thấy các bên không còn thương yêu, quan tâm lẫn nhau, đời sống chung đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể kéo dài. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà M được ly hôn với ông T.

[3] Về con chung: Bà M và ông T có bà người con chung tên Nguyễn Lam T1, sinh ngày 17/4/2007 đã trưởng thành có gia đình riêng; Nguyễn Thoại D, sinh ngày 15/6/2015 đang sống với ông T và Nguyễn Thoại Gia H, sinh ngày 17/10/2025 hiện đang sống với bà M. Bà M yêu cầu được nuôi hai người con chung, nhận thấy cháu Thoại D có nguyện vọng được sống với mẹ và cháu Gia H mới 08 tháng 08 ngày, đồng thời ông T cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà M không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà M về nuôi con chung. Ông T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng cho con, tài sản chung, nợ chung và cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Bà M và ông T đều không yêu cầu, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Nguyên đơn bà M phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ là có cơ sở chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Dương M được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.
2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Dương M được nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thoại D, sinh ngày 15/6/2015 (nam) và Nguyễn Thoại Gia H, sinh ngày 17/10/2025 (nam) đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.
3. Về cấp dưỡng cho con, tài sản chung, nợ chung và cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.
4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Dương M phải chịu là 300.000 đồng. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp, bà Nguyễn Thị Dương M đã nộp xong án phí theo biên lai thu số 0007015 ngày 14/4/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.
5. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

### **Nơi nhận:**

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- UBND phường Long Mỹ,  
thành phố Cần Thơ;
- Các đương

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thanh Mai**